

Bản án số: 38/2017/HSPT

Ngày: 25 – 7 – 2017.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngô.

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Ngọt.

Ông Phạm Hùng Nuôi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Sơn- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Lê Minh Thích - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25/7/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 26/2017/HSPT ngày 07/6/2017 đối với bị cáo Trần Thanh T, do có kháng cáo của bị cáo Trần Thanh T đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 09/2017/HSST ngày 05/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện M.

Bị cáo có kháng cáo: **Trần Thanh T (tên gọi khác: S)**, sinh năm 1988; Đăng ký thường trú: ấp Đ, xã Đ, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Khomer; Tôn giáo: Không; Con ông Trần Hữu L (sống) và bà Danh Thị Kim S (sống); Anh chị em ruột: có 06 người(lớn nhất sinh năm 1976, nhỏ nhất sinh năm 1992); Chưa có vợ; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày: 28/02/2017 (bị cáo có mặt).

Những người dưới đây không liên quan đến kháng cáo Hội đồng xét xử phúc thẩm không triệu tập gồm: Bị hại bà Trần Thanh H; Những người làm chứng ông Trần Hữu L, bà Danh Thị Kim S, ông Trần Thanh T và bà Trần Thanh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân huyện M và bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện M, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 21 giờ, ngày 31/3/2015, Trần Thanh T hỏi mượn điện thoại của chị H (là em ruột của T cùng sống chung nhà), để gọi cho bạn của T nhưng chị H không cho, T bỏ ra nhà sau để ngủ, nhưng không ngủ được do ám ức việc chị H không cho mượn điện thoại nên T nảy sinh ý định lấy trộm xe của chị H (đang đậu gần chỗ T nằm ngủ) cho hả giận. T đợi mọi người trong nhà ngủ hết, đến 23 giờ cùng ngày T lên nhà trước lấy chìa khóa xe mô tô biển số 83P2- 105.03 (do chị Thanh T đang quản lý và để trên bàn học của cháu T trước đó). Lấy được chìa khóa

xe, T đi ra nhà sau lên lút dẫn chiếc xe mô tô biển số 83P2-105.XX nhãn hiệu Honda, loại xe Airblade màu trắng-xám của chị H đi ra lộ đal, T điều khiển xe chạy ra Quốc lộ 1A, khi đến cầu B, xã Đ thì T dừng xe lại và mở cốp xe, thấy bên trong cốp xe có một cái áo khoác jean màu xanh, 01 nón bảo hiểm màu tím, 01 cái bóp màu hồng, bên trong có: 01 giấy bảo hiểm xe mô tô biển số 83P2-105.XX, 01 sổ bảo hành xe mô tô biển số 83P2-105.XX, 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Trần Thanh H, 01 giấy phép lái xe mang tên Trần Thanh H, 01 thẻ ATM của Ngân hàng Nông nghiệp tên Trần Thanh H, T lấy giấy đăng ký xe mô tô biển số 83P2-105.XX để lại cốp xe. Ngay sau đó T điều khiển xe quay trở lại nhà của T và chị H, T đậu xe ngoài đường rồi đi bộ vào trong nhà, ném các vật dụng cụ gồm áo khoác, nón bảo hiểm, cái bóp màu hồng cùng các loại giấy tờ khác vào trước nhà rồi tiếp tục điều khiển xe mô tô biển số 83P2-105.XX vừa lấy được đi lên thành phố Hồ Chí Minh. Qua 02 ngày sau, T nhờ 01 người tên T là bạn của T (không rõ nhân thân, lai lịch) đi bán chiếc xe mô tô biển số 83P2-105.XX được 20.000.000 đồng số tiền này T tiêu xài cá nhân hết.

Tại bản kết luận số 76/KL/HĐĐG ngày 15/6/2015 của Hội đồng định giá tài sản huyện M kết luận giá trị còn lại thành tiền của xe mô tô biển số 83P2-105.XX nhãn hiệu Honda, loại xe Airblade màu sơn trắng-xám tại thời điểm mất trộm ngày 31/3/2015 là 35.979.972 (ba mươi lăm triệu, chín trăm bảy mươi chín ngàn, chín trăm bảy mươi hai đồng)

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 09/2017/HSST ngày 05/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện M, quyết định:

- Tuyên bố bị cáo: **Trần Thanh T (S)** phạm tội “**Trộm cắp tài sản**”;

- Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật hình sự.

- Căn cứ Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Xử phạt bị cáo Trần Thanh T: **06** tháng tù (Sáu tháng tù). Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên phần án phí và quyền kháng cáo của bị cáo và người bị hại.

Ngày 18/5/2017 bị cáo Trần Thanh T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

- Tại phiên tòa phúc thẩm :

Tại phiên tòa bị cáo vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng giữ quyền công tố Nhà nước đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị cáo và áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248; điểm đ khoản 1 điều 249 của Bộ luật tố tụng hình sự và khoản 1, 2 Điều 60 Bộ luật hình sự chấp nhận kháng cáo của bị cáo

cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách cho bị cáo là 12 tháng và sửa án sơ thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Xét về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị cáo được nộp trực tiếp cho Tòa án nhân dân huyện M ngày 18/05/2017 theo qui định tại khoản 1 Điều 234 Bộ luật tố tụng hình sự, nên đơn kháng cáo của bị cáo được coi là hợp pháp. Do vậy, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận đơn kháng cáo và được xét giải quyết đơn kháng cáo của bị cáo theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét về hành vi phạm tội của bị cáo: Vào khoảng 23 giờ ngày 31/03/2017 lấy xe của bị hại và chạy lên Thành Phố Hồ Chí Minh bán với giá 20.000.000 đồng và tiêu xài hết. Theo kết luận định giá chiếc xe nói trên trị giá là 35.979.972 đồng. Cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 điều 138 Bộ luật hình sự là có căn cứ, là đúng người, là đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin giảm án của bị cáo: Xét thấy, khi lượng hình cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như: Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo; bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo là người dân tộc khomer, bị cáo có nhân thân tốt, không tiền án, tiền sự được áp dụng điểm h, p khoản 1, 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Cấp sơ thẩm áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ nói trên là chính xác là phù hợp với pháp luật.

Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm thì bị cáo có cung cấp cho hội đồng xét xử giấy xác nhận bị hại đã nhận tiền của bị cáo để khắc phục hậu quả cho bị hại. Đây là tình tiết giảm nhẹ mới tại điểm b khoản 1 điều 46 Bộ luật hình sự và cấp phúc thẩm áp dụng tiết giảm nhẹ nói trên cho bị cáo là phù hợp với pháp luật và làm căn cứ giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là đúng pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo xin hưởng án treo thì thấy bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng và phạm tội lần đầu thuộc trong trường hợp ít nghiêm trọng, khắc phục hậu quả cho bị hại và bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng thì theo Nghị quyết 01/NQ- HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao ngày 06/11/2013 và tại mục 1 Điều 2 Nghị quyết thì bị cáo có đủ điều kiện được hưởng án treo theo điều 60 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, loại tội phạm này có chiều hướng gia tăng, nên việc áp dụng tù giam để răn đe và trấn áp tội phạm là yêu cầu phục vụ chính trị ở địa phương. Do vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên và kháng cáo của bị cáo xin hưởng án treo.

[5] Án phí hình sự phúc thẩm bị cáo không phải chịu vì đơn kháng cáo của bị cáo được chấp nhận 1 phần .

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật tố tụng hình sự. (giảm án)

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 248 Bộ luật tố tụng hình sự (án treo)

QUYẾT ĐỊNH

[1] Chấp nhận kháng cáo xin giảm án của bị cáo Trần Thanh T.

[2] Không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Trần Thanh T.

- Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm h, p, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 33 của Bộ luật hình sự.

Tuyên Xử:

Xử phạt bị cáo Trần Thanh T: **03 tháng tù (Ba tháng tù)**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện thi hành án hoặc bắt bị cáo thi hành án.

[3] Án phí hình sự phúc thẩm bị cáo không phải nộp.

[4] Các quyết định khác bản án hình sự sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng
- TAND huyện M (2 bản);
- VKSND huyện M;
- Công an huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- PHSNV - Công an tỉnh Sóc Trăng;
- Bị cáo;
- PKTNNV-THA – TAND tỉnh Sóc Trăng;
- CQTHAHS- Công an tỉnh Sóc Trăng;
- Sơ Tư pháp;
- Lưu hs, THS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã Ký)

Lê Ngô